

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021 - 2025 và phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương năm 2025 (đợt 4) thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2021 về ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm

2021 -2025; số 18/2023/QĐ-TTg ngày 01 tháng 7 năm 2023 về sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số điều của Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2021; số 04/2023/QĐ-TTg ngày 23 tháng 02 năm 2023 về mức hỗ trợ và cơ chế hỗ trợ sử dụng vốn đầu tư công để thực hiện một số nội dung thuộc Dự án 1 và Tiểu dự án 1, Dự án 4 của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; số 1148/QĐ-TTg ngày 13 tháng 6 năm 2025 về việc giao bổ sung dự toán chi đầu tư phát triển, kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách Trung ương năm 2025 cho các địa phương thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia (đợt 2);

Căn cứ các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh: Số 258/2022/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2022 ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; số 12/2023/NQ-HĐND ngày 29 tháng 9 năm 2023 về việc sửa đổi, bổ sung Điều 6 và một số nội dung Phụ lục ban hành kèm theo Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 258/2022/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh; số 15/2025/NQ-HĐND ngày 21 tháng 7 năm 2025 về sửa đổi, bổ sung một số nội dung của quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 258/2022/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2022 đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 12/2023/NQ-HĐND ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh; số 674/NQ-HĐND ngày 04 tháng 10 năm 2025 về điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021 - 2025 và phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương năm 2025 (đợt 4) thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Theo đề nghị của Sở Dân tộc và Tôn giáo tại Tờ trình số 70/TTr-SDTTG ngày 13 tháng 10 năm 2025 về việc điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021 - 2025 và phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát

triển nguồn ngân sách Trung ương năm 2025 (đợt 4) thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 (kèm theo ý kiến tham gia của Sở Tài chính tại Công văn số 10426/STC-THQH ngày 10 tháng 10 năm 2025).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021 - 2025 và giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương năm 2025 (đợt 4) thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025, với các nội dung sau:

1. Điều chỉnh, bổ sung danh mục, kế hoạch vốn đầu tư nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021 - 2025

a) Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn đầu tư nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021 - 2025 của Dự án 1. Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt:

- Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn đầu tư nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021 - 2025 của nội dung hỗ trợ nhà ở, đất ở tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định số 1225/QĐ-UBND ngày 23 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh, với tổng số vốn là 3.493 triệu đồng.

- Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn đầu tư nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021 - 2025 của một số dự án nước sinh hoạt tập trung tại Phụ biểu số 01 ban hành kèm theo Quyết định số 3831/QĐ-UBND ngày 08 tháng 11 năm 2022 và Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 4272/NQ-UBND ngày 28 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh, với tổng số vốn là 510 triệu đồng.

b) Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn đầu tư nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021 - 2025 của Tiểu dự án 1 - Dự án 4. Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi:

Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn đầu tư nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021 - 2025 của một số dự án tại Phụ biểu số 03 ban hành kèm theo Quyết định số 3831/QĐ-UBND ngày 08 tháng 11 năm 2022; Phụ lục III ban hành kèm theo Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 03 tháng 01 năm 2023; Phụ biểu 01 ban hành kèm theo Quyết định số 1373/QĐ-UBND ngày 26 tháng 4 năm 2023; Phụ lục III ban hành kèm theo Quyết định số 3865/QĐ-UBND ngày 19 tháng 10 năm 2023; Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 2576/QĐ-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2024 và Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 4272/NQ-

UBND ngày 28 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh, với tổng số vốn là 2.855 triệu đồng.

c) Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn đầu tư nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021 - 2025 của Tiểu dự án 1 - Dự án 5: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú:

Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn đầu tư nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021 - 2025 của một số dự án tại Phụ biểu số 04 ban hành kèm theo Quyết định số 3831/QĐ-UBND ngày 08 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh, với tổng số vốn là 1.028 triệu đồng.

d) Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn đầu tư nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021 - 2025 của Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch:

Điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021 - 2025 của dự án Hỗ trợ đầu tư bảo tồn làng văn hóa truyền thống: Thôn Yên Vinh, xã Xuân Thái, huyện Như Thanh tại Phụ lục V ban hành kèm theo Quyết định số 3865/QĐ-UBND ngày 19 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh, với tổng số vốn là 75 triệu đồng.

đ) Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn đầu tư nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021 - 2025 của Dự án 7: Nội dung đầu tư, nâng cấp, cải tạo trung tâm y tế huyện:

Điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021 - 2025 của dự án Trung tâm y tế huyện Bá Thước tại Phụ biểu số 06 ban hành kèm theo Quyết định số 3831/QĐ-UBND ngày 08 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh, với tổng số vốn là 95 triệu đồng.

2. Tổng số vốn điều chỉnh giảm tại điểm a, b, c, d, đ nêu trên (8.056 triệu đồng) bố trí cho 03 dự án mới được bổ sung vào danh mục kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 của Chương trình.

(Chi tiết tại Phụ lục I và Phụ biểu I.1 kèm theo)

3. Giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương năm 2025 (đợt 4) thực hiện Chương trình

Tổng số vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương giao năm 2025 (đợt 2): 58.204 triệu đồng, trong đó:

- Số vốn đã giao (đợt 3): 43.611 triệu đồng.
- Số vốn giao đợt này (đợt 4): 14.593 triệu đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục II và Phụ biểu II.1, II.2, II.3 kèm theo)

Điều 2. Tổ chức triển khai thực hiện

1. Giao Sở Dân tộc và Tôn giáo

a) Căn cứ nội dung phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này và các quy định của pháp luật về đầu tư công, thông báo điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025 và danh mục, mức vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương năm 2025 (đợt 4) của Chương trình cho từng cơ quan, đơn vị để làm cơ sở thực hiện các bước tiếp theo theo quy định.

b) Thường xuyên đôn đốc, kiểm tra các xã, các đơn vị triển khai thực hiện các dự án đảm bảo đúng tiến độ, chất lượng và phát huy hiệu quả đầu tư, không để xảy ra nợ đọng xây dựng cơ bản.

2. Sở Tài chính

Thực hiện các thủ tục, nghiệp vụ cấp vốn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách tỉnh cho ngân sách cấp xã để thực hiện Chương trình năm 2025 (đợt 4) đảm bảo theo đúng quy định; hướng dẫn, kiểm tra và đôn đốc các chủ đầu tư lập hồ sơ, thủ tục thanh toán, quyết toán vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương năm 2025 của Chương trình theo quy định.

3. Kho Bạc Nhà nước khu vực XI

a) Thực hiện kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc giải ngân của các chủ đầu tư, chỉ cho phép giải ngân khi đảm bảo đủ hồ sơ, thủ tục theo quy định, phù hợp với mục tiêu đầu tư theo các quyết định giao vốn chi tiết của UBND tỉnh.

b) Hướng dẫn các đơn vị trực thuộc Kho bạc Nhà nước khu vực XI kiểm soát chặt chẽ việc giải ngân vốn năm 2025 của Chương trình được cấp bổ sung có mục tiêu cho ngân sách các xã; chỉ cho phép giải ngân khi đảm bảo đầy đủ hồ sơ, thủ tục theo quy định, phù hợp với mục tiêu đầu tư theo các quyết định giao kế hoạch chi tiết của cấp có thẩm quyền.

4. UBND các xã: Căn cứ Quyết định này và hồ sơ, thủ tục của các dự án, giao kế hoạch chi tiết vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương năm 2025 của Chương trình đến danh mục và mức vốn của từng dự án theo quy định; chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh, các cơ quan thanh tra, kiểm toán về quyết định của mình.

5. Các chủ đầu tư và các đơn vị liên quan khẩn trương xây dựng kế hoạch thực hiện phù hợp với mức vốn được giao, triển khai thực hiện đảm bảo tiến độ, hiệu quả, không để phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản và thanh quyết toán theo quy định hiện hành của Nhà nước.

6. Sở Dân tộc và Tôn giáo, Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước khu vực XI và các đơn vị liên quan, căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao, có trách nhiệm phối hợp, hướng dẫn, kiểm tra đôn đốc các chủ đầu tư và các đơn vị tổ chức triển khai thực hiện đảm bảo theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ngành cấp tỉnh; Giám đốc Kho bạc Nhà nước khu vực XI; Chủ tịch UBND các xã; Thủ trưởng các đơn vị liên quan và các chủ đầu tư chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Bộ Tài chính (để b/c);
- Bộ Dân tộc và Tôn giáo (để b/c);
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy (để b/c);
- Hội đồng nhân dân tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Các PCT UBND tỉnh;
- Các Ủy viên UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, THĐT, VHXX.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đầu Thanh Tùng

Phụ lục I

TỔNG HỢP ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021-2025
CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Đơn vị	Kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025 (tại Quyết định số 4272/QĐ-UBND ngày 28/10/2024 của UBND tỉnh)	Số vốn giai đoạn 2021 - 2025 điều chỉnh		Kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025 sau khi điều chỉnh	Ghi chú
			Điều chỉnh giảm (-)	Điều chỉnh tăng (+)		
1	2	3	4	5	6	7
	Tổng số	1.234.910	8.056	8.056	1.234.910	
1	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	155.490	4.003		151.487	
-	<i>Hỗ trợ đất ở, hỗ trợ nhà ở, hộ trợ đất sản xuất</i>	67.345	3.493		63.852	
-	<i>Nội dung hỗ trợ nước sinh hoạt tập trung</i>	88.145	510		87.635	
2	Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí ổn định dân cư ở những nơi cần thiết	72.791		4.000	76.791	
3	Tiểu dự án 1 - Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	640.133	2.855	4.056	641.334	
4	Tiểu dự án 1 - Dự án 5: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú	248.639	1.028		247.611	
5	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch.	74.892	75		74.817	
6	Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em	29.985	95		29.890	
7	Tiểu dự án 2 Dự án 10: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh, trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	12.980			12.980	

Phụ biểu I.1

CHI TIẾT ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021-2025 CỦA MỘT SỐ DỰ ÁN THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư; Quyết định điều chỉnh lần cuối; Quyết định quyết toán			Lũy kế vốn đã bố trí	Kế hoạch vốn NSTW giai đoạn 2021-2025	Điều chỉnh kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025		Kế hoạch vốn NSTW giai đoạn 2021 - 2025 sau điều chỉnh	Chủ đầu tư (hoặc đơn vị đề xuất)	Ghi chú
		Số Quyết định, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư; giá trị quyết toán; dự kiến TMDT				Điều chỉnh giảm (-)	Điều chỉnh tăng (+)			
			Tổng số	Trong đó: Vốn NSTW							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	TỔNG CỘNG		273.162,9	272.663,3	253.573,7	267.830,7	8.056,0	8.056,0	267.830,7		
A	DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH GIẢM KẾ HOẠCH VỐN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025		265.026,9	264.607,3	253.573,7	267.830,7	8.056,0		259.774,7		
I	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt		55.221,9	55.221,0	52.026,0	56.029,0	4.003,0		52.026,0		
I.1	Nội dung hỗ trợ nhà ở, đất ở		27.627,0	27.627,0	24.134,0	27.627,0	3.493,0		24.134,0		
1	Huyện Thường Xuân		14.143,0	14.143,0	11.823,0	14.143,0	2.320,0		11.823,0		
2	Huyện Như Thanh		2.739,0	2.739,0	2.686,0	2.739,0	53,0		2.686,0		
3	Huyện Ngọc Lặc		6.143,0	6.143,0	5.223,0	6.143,0	920,0		5.223,0		
4	Huyện Thạch Thành		4.602,0	4.602,0	4.402,0	4.602,0	200,0		4.402,0		
I.2	Nội dung nước sinh hoạt tập trung		27.594,9	27.594,0	27.892,0	28.402,0	510,0		27.892,0		
1	Công trình nước sinh hoạt tập trung bản Poom Khuông, xã Tam Chung, huyện Mường Lát	2062/QĐ-UBND ngày 24/11/2023	3.199,5	3.200,0	3.200,0	3.202,0	2,0		3.200,0	UBND xã Tam Chung	
2	Công trình nước sinh hoạt tập trung bản Pao, xã Trung Sơn, huyện Quan Hóa.	1372/QĐ-UBND ngày 25/7/2024	3.226,0	3.226,0	3.226,0	3.300,0	74,0		3.226,0	UBND xã Trung Sơn	
3	Công trình nước sinh hoạt tập trung bản Suối Tôn, xã Phú Sơn, huyện Quan Hóa.	1890/QĐ-UBND ngày 8/11/2023	2.759,3	2.759,0	3.086,0	3.200,0	114,0		3.086,0	UBND xã Phú Lệ	
4	Công trình nước sinh hoạt tập trung thôn Bồng, xã Lũng Niêm, huyện Bá Thước	171/QĐ-UBND ngày 19/10/2023	1.591,9	1.592,0	1.592,0	1.600,0	8,0		1.592,0	UBND xã Pù Luông	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư; Quyết định điều chỉnh lần cuối; Quyết định quyết toán			Lũy kế vốn đã bố trí	Kế hoạch vốn NSTW giai đoạn 2021-2025	Điều chỉnh kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025		Kế hoạch vốn NSTW giai đoạn 2021 - 2025 sau điều chỉnh	Chủ đầu tư (hoặc đơn vị đề xuất)	Ghi chú
		Số Quyết định, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư; giá trị quyết toán; dự kiến TMDT				Điều chỉnh giảm (-)	Điều chỉnh tăng (+)			
			Tổng số	Trong đó: Vốn NSTW							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
5	Công trình nước sinh hoạt tập trung thôn Buốc, xã Lâm Phú, huyện Lang Chánh	1253/QĐ-UBND ngày 13/9/2023	2.332,3	2.332,0	2.332,0	2.400,0	68,0		2.332,0	UBND xã Văn Phú	
6	Công trình sửa chữa nước sinh hoạt tập trung thôn Lót, xã Tam Văn, huyện Lang Chánh	1881/QĐ-UBND ngày 21/12/2023	2.666,0	2.666,0	2.666,0	2.700,0	34,0		2.666,0	UBND xã Văn Phú	
7	Công trình nước sinh hoạt tập trung bản Ngà, xã Lâm Phú, huyện Lang Chánh	231/QĐ-UBND ngày 29/11/2024	2.064,0	2.064,0	2.064,0	2.100,0	36,0		2.064,0	UBND xã Văn Phú	
8	Công trình nước sinh hoạt tập trung thôn Chiềng Lăn, xã Giao Thiện, huyện Lang Chánh	225/QĐ-UBND ngày 29/11/2024	2.657,8	2.657,0	2.657,0	2.700,0	43,0		2.657,0	UBND xã Giao An	
9	Công trình nước sinh hoạt tập trung Lén Liêu, thôn 3, xã Cán Khê, huyện Như Thanh	3572/QĐ-UBND ngày 19/10/2023	1.977,1	1.977,0	1.977,0	2.000,0	23,0		1.977,0	UBND xã Xuân Du	
10	Công trình nước sinh hoạt tập trung thôn Kha, xã Luận Khê, huyện Thường Xuân.	2048/QĐ-UBND ngày 15/9/2023	2.199,9	2.200,0	2.171,0	2.200,0	29,0		2.171,0	UBND xã Tân Thành	
11	Công trình nước sinh hoạt tập trung thôn Đục, xã Bát Mọt, huyện Thường Xuân.	699/QĐ-UBND ngày 14/04/2024	2.921,1	2.921,0	2.921,0	3.000,0	79,0		2.921,0	UBND xã Bát Mọt	
II	Tiểu dự án 1 - Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi		140.916,6	140.500,3	139.423,7	142.278,7	2.855,0		139.423,7		
1	Nâng cấp, sửa chữa công trình nước sinh hoạt tập trung bản Cang, xã Mường Chanh	33/QĐ-UBND ngày 05/02/2024	1.095,5	1.095,0	1.095,0	1.100,0	5,0		1.095,0	UBND xã Mường chanh	
2	Hệ thống nước sinh hoạt tập trung bản Bàn, xã Quang Chiêu	39/QĐ-UBND ngày 05/02/2024	2.998,6	2.999,0	2.998,5	3.000,0	1,5		2.998,5	UBND xã Quang Chiêu	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư; Quyết định điều chỉnh lần cuối; Quyết định quyết toán			Lũy kế vốn đã bố trí	Kế hoạch vốn NSTW giai đoạn 2021-2025	Điều chỉnh kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025		Kế hoạch vốn NSTW giai đoạn 2021 - 2025 sau điều chỉnh	Chủ đầu tư (hoặc đơn vị đề xuất)	Ghi chú
		Số Quyết định, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư; giá trị quyết toán; dự kiến TMDT				Điều chỉnh giảm (-)	Điều chỉnh tăng (+)			
			Tổng số	Trong đó: Vốn NSTW							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
3	Sửa chữa, nâng cấp đường giao thông bản Lát, xã Tam Chung (từ UBND xã đi khu Kha Khoài)	54/QĐ-UBND ngày 05/02/2024	2.799,6	2.800,0	2.800,0	2.810,0	10,0		2.800,0	UBND xã Tam Chung	
4	Đường giao thông từ ngã 3 Trung Thăng - Sài Khao đi Diêm trường Trung Thăng thuộc Trường Tiểu học Tây Tiến, xã Mường Lý	19/QĐ-UBND ngày 29/01/2024	3.359,7	3.360,0	3.359,7	3.441,0	81,3		3.359,7	UBND xã Mường Lý	
5	Đường giao thông vào khu tái định cư bản Chim, xã Nhi Sơn	19/QĐ-UBND ngày 29/01/2024	549,0	549,0	549,0	550,0	1,0		549,0	UBND xã Nhi sơn	
6	Nâng cấp, sửa chữa công trình nước sinh hoạt tập trung Bản Chim, xã Nhi Sơn	26/QĐ-UBND ngày 05/02/2024	1.849,5	1.849,0	1.849,0	1.850,0	1,0		1.849,0	UBND xã Nhi Sơn	
7	Nâng cấp, sửa chữa hệ thống nước sinh hoạt tập trung bản Suối Phái, xã Tam Chung	226/QĐ-UBND ngày 12/7/2024	1.597,1	1.597,0	1.597,0	1.600,0	3,0		1.597,0	UBND xã Tam Chung	
8	Hệ thống cấp điện từ trạm hạ thế tại đường quốc lộ 15c vào khu dân cư bản Pá Hộc, xã Nhi Sơn	123/QĐ-UBND ngày 10/5/2024	1.558,5	1.558,5	1.558,5	1.633,0	74,5		1.558,5	UBND xã Nhi Sơn	
9	Trạm y tế xã Trung Lý; hạng mục: Nhà công vụ và công trình phụ trợ	252/QĐ-UBND ngày 22/11/2024	1.199,9	1.199,0	1.199,0	1.200,0	1,0		1.199,0	UBND xã Trung Lý	
10	Đường giao thông bản Bá, xã Phú Xuân (từ Nhà ông Hà Văn Nghiêm đi nhà ông Hà Văn Yêu)	285/QĐ-UBND ngày 25/11/2024	797,1	797,0	797,0	798,0	1,0		797,0	UBND xã Phú Xuân	
11	Nâng cấp đường giao thông bản Cua, xã Nam Tiến (từ cổng tràn Cua đi Tầm Mện)	41/QĐ-UBND ngày 29/01/2024	848,0	848,0	848,0	849,0	1,0		848,0	UBND xã Nam Xuân	
12	Mương tưới tiêu bản Cháo, xã Hiền Kiệt	46/QĐ-UBND ngày 29/01/2024	1.130,0	1.130,0	1.127,0	1.130,0	3,0		1.127,0	UBND xã Hiền Kiệt	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư; Quyết định điều chỉnh lần cuối; Quyết định quyết toán			Lũy kế vốn đã bố trí	Kế hoạch vốn NSTW giai đoạn 2021-2025	Điều chỉnh kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025		Kế hoạch vốn NSTW giai đoạn 2021 - 2025 sau điều chỉnh	Chủ đầu tư (hoặc đơn vị đề xuất)	Ghi chú
		Số Quyết định, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư; giá trị quyết toán; dự kiến TMDT				Điều chỉnh giảm (-)	Điều chỉnh tăng (+)			
			Tổng số	Trong đó: Vốn NSTW							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
13	Nâng cấp đường giao thông bán Cum, xã Trung Tiến (từ nhà ông Hà Văn Toàn đến nhà ông Hà Văn Kiềm)	1346/QĐ-UBND ngày 24/6/2025	1.084,0	1.084,0	1.084,0	1.131,0	47,0		1.084,0	UBND xã Trung Hạ	
14	Nhà văn hóa thôn Leo xã Thành Lâm	1081/QĐ-UBND ngày 21/10/2022	797,9	798,0	796,0	798,0	2,0		796,0	UBND xã Pù Luông	
15	Nhà văn hóa thôn Tân Thành xã Thành Lâm	198/QĐ-UBND ngày 13/12/2023	796,1	796,0	796,0	798,0	2,0		796,0	UBND xã Pù Luông	
16	Đường giao thông thôn Cả xã Ban Công	231/QĐ-UBND ngày 25/10/2022	748,1	748,0	726,0	748,0	22,0		726,0	UBND xã Bá Thước	
17	Nhà văn hóa thôn Eo Điều xã Cổ Lũng	76/QĐ-UBND ngày 19/7/2023	746,4	746,0	746,0	748,0	2,0		746,0	UBND xã Cổ Lũng	
18	Công trình nhà văn hóa thôn Pồn Thành Công xã Lũng Cao	07/QĐ-UBND ngày 02/02/2024	745,1	745,0	745,0	747,0	2,0		745,0	UBND xã Cổ Lũng	
19	Nhà văn hóa thôn Thành Điền, xã Điền Hạ	152/QĐ-UBND ngày 25/10/2022	799,3	799,0	741,0	799,0	58,0		741,0	UBND xã Điền Quang	
20	Đường giao thông thôn Pật xã Kỳ Tân	607/QĐ-UBND ngày 20/10/2022	648,7	649,0	644,0	649,0	5,0		644,0	UBND xã Văn Nho	
21	Nhà văn hóa thôn Cha Kỳ xã Văn Nho	764/QĐ-UBND ngày 25/10/2022	736,1	736,0	714,0	736,0	22,0		714,0	UBND xã Văn Nho	
22	Nhà văn hóa thôn Chiềng Ấm xã Văn Nho	766/QĐ-UBND ngày 25/10/2022	738,7	739,0	717,0	739,0	22,0		717,0	UBND xã Văn Nho	
23	Nhà văn hóa thôn Kèo Hiềng xã Văn Nho	765/QĐ-UBND ngày 25/10/2022	749,5	750,0	727,0	750,0	23,0		727,0	UBND xã Văn Nho	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư; Quyết định điều chỉnh lần cuối; Quyết định quyết toán			Lũy kế vốn đã bố trí	Kế hoạch vốn NSTW giai đoạn 2021-2025	Điều chỉnh kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025		Kế hoạch vốn NSTW giai đoạn 2021 - 2025 sau điều chỉnh	Chủ đầu tư (hoặc đơn vị đề xuất)	Ghi chú
		Số Quyết định, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư; giá trị quyết toán; dự kiến TMDT				Điều chỉnh giảm (-)	Điều chỉnh tăng (+)			
			Tổng số	Trong đó: Vốn NSTW							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
24	Nhà văn hóa thôn Tổ Lê xã Văn Nho	767/QĐ-UBND ngày 25/10/2022	735,3	735,0	713,0	735,0	22,0		713,0	UBND xã Văn Nho	
25	Đường giao thông nông thôn thôn Un xã Diên Quang	374/QĐ-UBND ngày 21/11/2022	795,6	795,6	791,0	796,0	5,0		791,0	UBND xã Diên Quang	
26	Đường giao thông thôn Đạo, xã Lương Ngoại (từ dốc Làng Bương đi nhà ông Trương Công Định)	97/QĐ-UBND ngày 13/7/2023	1.125,8	1.125,8	1.125,8	1.131,0	5,2		1.125,8	UBND xã Quý Lương	
27	Đường giao thông thôn Phú Sơn, xã Lương Trung (từ sân vận động đi ngã ba đi Quang Trung)	151/QĐ-UBND ngày 31/10/2024	876,1	876,1	876,1	895,0	18,9		876,1	UBND xã Quý Lương	
28	Đường giao thông thôn Trung Sơn, xã Lương Trung (từ nhà bà Bùi Thị Khuyên đi nhà ông Lê Văn Hùng)	80/QĐ-UBND ngày 16/8/2024	878,9	878,9	878,9	897,0	18,1		878,9	UBND xã Quý Lương	
29	Đường giao thông thôn Trung Thành, xã Lương Trung (từ nhà ông Bùi Văn Cải đi nhà ông Bùi Văn Bình)	78/QĐ-UBND ngày 16/8/2024	864,3	864,3	864,3	885,0	20,7		864,3	UBND xã Quý Lương	
30	Nhà văn hoá thôn Cốc, xã Thiết Ống	123/QĐ-UBND ngày 15/8/2023	1.130,5	1.130,5	1.130,0	1.131,0	1,0		1.130,0	UBND xã Thiết Ống	
31	Nhà văn hoá thôn Thành Công, xã Thiết Ống	126/QĐ-UBND ngày 15/8/2023	1.129,6	1.129,6	1.129,0	1.130,0	1,0		1.129,0	UBND xã Thiết Ống	
32	Nhà văn hoá thôn Thiết Giang, xã Thiết Ống	125/QĐ-UBND ngày 15/8/2023	1.129,9	1.129,9	1.129,0	1.131,0	2,0		1.129,0	UBND xã Thiết Ống	
33	Đường giao thông thôn Mé, xã Ái Thượng	171/QĐ-UBND ngày 28/8/2023	545,9	546,0	545,9	550,0	4,1		545,9	UBND xã Diên Lư	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư; Quyết định điều chỉnh lần cuối; Quyết định quyết toán			Lũy kế vốn đã bố trí	Kế hoạch vốn NSTW giai đoạn 2021-2025	Điều chỉnh kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025		Kế hoạch vốn NSTW giai đoạn 2021 - 2025 sau điều chỉnh	Chủ đầu tư (hoặc đơn vị đề xuất)	Ghi chú
		Số Quyết định, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư; giá trị quyết toán; dự kiến TMDT				Điều chỉnh giảm (-)	Điều chỉnh tăng (+)			
			Tổng số	Trong đó: Vốn NSTW							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
34	Đường giao thông thôn Tôm, xã Ái Thượng (đoạn 1: từ nhà ông Bùi Văn Cảnh đi Ngã ba làng Tôm; đoạn 2: từ nhà Lục Văn Quán đi nhà ông Hà Văn Bình)	170/QĐ-UBND ngày 28/8/2023	1.127,0	1.127,0	1.127,0	1.132,0	5,0		1.127,0	UBND xã Diên Lư	
35	Đường giao thông thôn Công, xã Lương Ngoại (từ nhà ông Nguyễn Đình Chính đi nhà ông Trương Công Thắng)	96/QĐ-UBND ngày 13/7/2023	1.125,8	1.126,0	1.125,8	1.130,0	4,2		1.125,8	UBND xã Quý Lương	
36	Đường giao thông thôn Chòm Mót, xã Lương Trung (từ bến dò Mót đi nhà Ông Đỗ Văn Giáp)	150/QĐ-UBND ngày 31/10/2024	870,2	870,2	870,2	890,0	19,8		870,2	UBND xã Quý Lương	
37	Nâng cấp đường giao thông thôn Bầm, xã Thành Lâm (từ đường 521C đi nhà ông Hà Văn Ngọc)	93/QĐ-UBND ngày 11/8/2023	861,7	862,0	861,6	864,0	2,4		861,6	UBND xã Pù Luông	
38	Đường giao thông thôn Khiêng, xã Hạ Trung (từ cầu Hón Si đi trước nhà ông Trương Văn Tâm)	187/QĐ-UBND ngày 11/8/2023	1.127,6	1.128,0	1.106,6	1.131,0	24,4		1.106,6	UBND xã Bá Thước	
39	Đường giao thông thôn Man Môn, xã Hạ Trung (từ sân bóng đi trước nhà ông Trương Văn Đức)	218/QĐ-UBND ngày 27/8/2024	1.108,1	1.108,1	1.108,1	1.131,0	22,9		1.108,1	UBND xã Bá Thước	
40	Đường giao thông thôn Tré, xã Hạ Trung (từ nhà ông Trương Văn Khoa đi nhà ông Trương Văn Hình)	217/QĐ-UBND ngày 27/8/2024	1.110,6	1.110,6	1.110,6	1.130,0	19,4		1.110,6	UBND xã Bá Thước	
41	Đường giao thông thôn Đón, xã Diên Hạ (từ nhà văn hóa thôn Đón đi làng Nan)	229/QĐ-UBND ngày 22/12/2023	1.136,4	1.090,0	1.086,0	1.090,0	4,0		1.086,0	UBND xã Diên Quang	
42	Nhà văn hóa thôn Đồi Muốn, xã Diên Quang	291/QĐ-UBND ngày 07/12/2023	906,8	869,0	826,0	869,0	43,0		826,0	UBND xã Diên Quang	
43	Nhà văn hóa thôn Un, xã Diên Quang	292/QĐ-UBND ngày 07/12/2023	740,1	567,0	539,0	567,0	28,0		539,0	UBND xã Diên Quang	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư; Quyết định điều chỉnh lần cuối; Quyết định quyết toán			Lũy kế vốn đã bố trí	Kế hoạch vốn NSTW giai đoạn 2021-2025	Điều chỉnh kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025		Kế hoạch vốn NSTW giai đoạn 2021 - 2025 sau điều chỉnh	Chủ đầu tư (hoặc đơn vị đề xuất)	Ghi chú
		Số Quyết định, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư; giá trị quyết toán; dự kiến TMDT				Điều chỉnh giảm (-)	Điều chỉnh tăng (+)			
			Tổng số	Trong đó: Vốn NSTW							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
44	Nâng cấp đường giao thông Thôn Leo, xã Thành Lâm (từ nhà ông Hà Văn Kinh đi suối Tềch)	192/QĐ-UBND ngày 01/12/2023	585,6	565,0	537,0	565,0	28,0		537,0	UBND xã Pù Luông	
45	Nâng cấp đường giao thông thôn Tân Thành, xã Thành Lâm (từ đường trục xã đi sân bóng thôn Tân Thành)	193/QĐ-UBND ngày 01/12/2023	584,5	564,0	536,0	564,0	28,0		536,0	UBND xã Pù Luông	
46	Đường giao thông thôn Khuyn, xã Cổ Lũng (từ nhà ông Lục Văn Hợi vào Huổi Phiêu)	189/QĐ-UBND ngày 22/12/2023	639,2	613,0	582,0	613,0	31,0		582,0	UBND xã Cổ Lũng	
47	Đường giao thông thôn Eo Điều, xã Cổ Lũng (từ sân vận động thôn đi nhà Ông Trương Văn Lợi)	190/QĐ-UBND ngày 22/12/2023	640,7	614,0	583,0	614,0	31,0		583,0	UBND xã Cổ Lũng	
48	Đường giao thông thôn Bo Thượng, xã Kỳ Tân (từ nhà ông Hà Văn Toán đến nhà bà Hà Thị Niệm)	189/QĐ-UBND ngày 26/12/2023	1.011,7	1.011,0	1.011,0	1.014,0	3,0		1.011,0	UBND xã Văn Nho	
49	Kiên cố hóa nương Na Pa Cáu, nương Na Cúm, thôn Bo Hạ, xã Kỳ Tân	190/QĐ-UBND ngày 26/12/2023	907,7	907,0	907,0	913,0	6,0		907,0	UBND xã Văn Nho	
50	Đường giao thông bản Tiên, xã Lâm Phú (đoạn 1: từ nhà ông Lương Văn Ứng đi nhà ông Lương Văn Liêng; đoạn 2: từ nhà ông Hà Văn Nhâm đi nhà ông Vi Văn Hoa, đoạn 3: từ nhà ông Lương Văn Hùng đi nhà ông Lương Văn Phiến; đoạn 4. Từ nhà ông Lương Văn Ních đi nhà ông Lương Văn Nuộc)	64/QĐ-UBND ngày 07/7/2023	1.363,0	1.363,0	1.348,0	1.363,0	15,0		1.348,0	UBND xã Văn Phú	
51	Đường giao thông thôn Đô Quăn, xã Thạch Lập (từ nhà ông Phạm Văn Cẩn đi nhà ông Phạm Văn Chương)	3200/QĐ-UBND ngày 15/8/2023	895,8	895,8	895,0	899,0	4,0		895,0	UBND xã Thạch Lập	
52	Đường giao thông thôn Minh Nguyên, xã Minh Sơn (đoạn 1: từ Bai Đa đi nhà ông Trương Văn Hạnh; đoạn 2: từ nhà ông Lê Văn Kiều đi nhà ông Lê Văn Kiểm; đoạn 3: từ nhà văn hóa thôn đi nhà ông Lê Văn Nông)	3692/QĐ-UBND ngày 19/9/2023	899,9	899,9	899,0	900,0	1,0		899,0	UBND xã Minh Sơn	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư; Quyết định điều chỉnh lần cuối; Quyết định quyết toán			Lũy kế vốn đã bố trí	Kế hoạch vốn NSTW giai đoạn 2021-2025	Điều chỉnh kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025		Kế hoạch vốn NSTW giai đoạn 2021 - 2025 sau điều chỉnh	Chủ đầu tư (hoặc đơn vị đề xuất)	Ghi chú
		Số Quyết định, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư; giá trị quyết toán; dự kiến TMDT				Điều chỉnh giảm (-)	Điều chỉnh tăng (+)			
			Tổng số	Trong đó: Vốn NSTW							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
53	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường từ xã Phùng giáo đi xã Nguyệt Ấn, huyện Ngọc Lặc (đoạn 1: từ làng Chuối, xã Phùng Giáo đi làng Rềnh, xã Nguyệt Ấn; đoạn 2: từ làng Rềnh, xã Nguyệt Ấn đi làng Châm, xã Phùng Giáo)	383/QĐ-UBND ngày 06/02/2025	6.194,3	6.194,0	6.194,0	6.276,0	82,0		6.194,0	UBND xã Nguyệt Ấn	
54	Đường giao thông thôn Quăn 1, xã Thanh Sơn (Từ nhà Ông Ngân Văn Hiếu thôn Đồng Sán đi nhà ông Nguyễn Văn Trường)	1155/QĐ-UBND ngày 23/05/2025	2.705,0	2.705,0	2.705,0	2.800,0	95,0		2.705,0	UBND xã Thanh Quân	
55	Nhà Văn Hóa Thôn Thanh Nhân, xã Thanh Quân	944/QĐ-UBND ngày 06/05/2025	1.488,0	1.488,0	1.488,0	1.529,0	41,0		1.488,0	UBND xã Thanh Quân	
56	Đường giao thông thôn Đoàn Trung, xã Thanh Lâm	67/QĐ-UBND ngày 15/01/2025	1.582,0	1.582,0	1.522,0	1.582,0	60,0		1.522,0	UBND xã Thanh Phong	
57	Đường giao thông từ thôn 3, xã Bãi Trành đi thôn Sim xã Xuân Bình, huyện Như Xuân	2774/QĐ-UBND ngày 19/12/2024	2.904,0	2.904,0	2.757,0	2.904,0	147,0		2.757,0	UBND xã Xuân Bình	
58	Đường giao thông từ thôn Đồng Thanh, xã Thượng Ninh đi khu phố Phú Quế, thị trấn Yên Cát, huyện Như Xuân	66/QĐ-UBND ngày 15/01/2025	7.200,0	7.200,0	7.050,0	7.200,0	150,0		7.050,0	UBND xã Thượng Ninh	
59	Đường giao thông thôn Bái Sim, xã Thanh Kỳ (từ nhà ông Chiến Hải đi nhà ông Trương Văn Quảng)	2965/QĐ-UBND ngày 5/9/2023	1.194,7	1.195,0	1.149,0	1.200,0	51,0		1.149,0	UBND xã Thanh Kỳ	
60	Nâng cấp, sửa chữa Nhà văn hóa và công trình phụ trợ thôn Đồng Cốc, xã Xuân Thái	1676/QĐ-UBND ngày 2/5/2024	1.172,2	1.172,2	1.172,0	1.300,0	128,0		1.172,0	UBND xã Xuân Thái	
61	Sửa chữa chợ Bát Mọt, huyện Thường Xuân	1593/QĐ-UBND ngày 06/9/2022	762,3	762,0	762,0	763,0	1,0		762,0	UBND xã Bát Mọt	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư; Quyết định điều chỉnh lần cuối; Quyết định quyết toán			Lũy kế vốn đã bố trí	Kế hoạch vốn NSTW giai đoạn 2021-2025	Điều chỉnh kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025		Kế hoạch vốn NSTW giai đoạn 2021 - 2025 sau điều chỉnh	Chủ đầu tư (hoặc đơn vị đề xuất)	Ghi chú
		Số Quyết định, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư; giá trị quyết toán; dự kiến TMDT				Điều chỉnh giảm (-)	Điều chỉnh tăng (+)			
			Tổng số	Trong đó: Vốn NSTW							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
62	Đường giao thông thôn Liên Sơn, xã Xuân Lẹ (đoạn 1: từ nhà ông Cẩm Bá Thơm đi nhà ông Nguyễn Hữu Thọ; đoạn 2: từ nhà ông Vi Văn Hà đi nhà ông Vi Văn Đất)	1197/QĐ-UBND ngày 18/06/2024	870,5	870,0	870,0	900,0	30,0		870,0	UBND xã Xuân Chính	
63	Đường giao thông thôn Na Nghiu, xã Yên Nhân (đoạn 1: từ nhà ông Vi Song Toàn đi nhà ông Vi Thái Thù; đoạn 2: từ Cầu tràn đi nhà bà Hà Thị Chuẩn)	2286/QĐ-UBND ngày 26/6/2025	1.119,4	1.119,0	1.119,0	1.131,0	12,0		1.119,0	UBND xã Yên Nhân	
64	Đường giao thông thôn Thành Lợp, xã Tân Thành (đoạn 1: từ nhà ông Lê Văn Cóng đi nhà ông Vi Văn Quan; đoạn 2: từ Sân bóng đi bến Ban)	1862/QĐ-UBND ngày 24/08/2023	1.124,7	1.125,0	1.118,0	1.131,0	13,0		1.118,0	UBND xã Tân Thành	
65	Đường giao thông từ Hún Hạ đi Hún Thượng, xã Luận Khê (từ Điểm trường thôn Hún thuộc Trường Tiểu học Luận Khê 1 đi nhà ông Lang Văn Trường)	975/QĐ-UBND ngày 27/05/2024	3.124,0	3.124,0	3.124,0	3.200,0	76,0		3.124,0	UBND xã Tân Thành	
66	Đường từ thôn Thành Sơn, xã Tân Thành đi thôn Liên Thành, xã Luận Thành, huyện Thường Xuân	166/QĐ-UBND ngày 26/01/2024	7.999,0	7.999,0	7.999,0	8.000,0	1,0		7.999,0	UBND xã Tân Thành	
67	Nhà văn hóa và công trình phụ trợ thôn Buồng, xã Luận Khê	3007/QĐ-UBND ngày 29/11/2024	2.071,5	2.071,0	2.071,0	2.136,0	65,0		2.071,0	UBND xã Tân Thành	
68	Nhà văn hóa và công trình phụ trợ thôn Hợp Nhất, xã Luận Khê	3029/QĐ-UBND ngày 29/11/2024	2.097,4	2.097,0	2.097,0	2.136,0	39,0		2.097,0	UBND xã Luận Thành	
69	Nhà Văn hóa và công trình phụ trợ thôn Tú, xã Xuân Thắng	3024/QĐ-UBND ngày 29/11/2024	2.237,5	2.237,0	2.237,0	2.259,0	22,0		2.237,0	UBND xã Thắng Lộc	
70	Nhà Văn hóa và công trình phụ trợ thôn Xương, xã Xuân Thắng	3012/QĐ-UBND ngày 29/11/2024	2.248,4	2.248,0	2.248,0	2.259,0	11,0		2.248,0	UBND xã Thắng Lộc	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư; Quyết định điều chỉnh lần cuối; Quyết định quyết toán			Lũy kế vốn đã bố trí	Kế hoạch vốn NSTW giai đoạn 2021-2025	Điều chỉnh kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025		Kế hoạch vốn NSTW giai đoạn 2021 - 2025 sau điều chỉnh	Chủ đầu tư (hoặc đơn vị đề xuất)	Ghi chú
		Số Quyết định, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư; giá trị quyết toán; dự kiến TMDT				Điều chỉnh giảm (-)	Điều chỉnh tăng (+)			
			Tổng số	Trong đó: Vốn NSTW							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
71	Nhà Văn hóa và công trình phụ trợ thôn Giang, xã Xuân Chinh	3026/QĐ-UBND ngày 29/11/2024	2.202,7	2.202,0	2.202,0	2.259,0	57,0		2.202,0	UBND xã Xuân Chinh	
72	Nhà Văn hóa và công trình phụ trợ thôn Xeo, xã Xuân Chinh	3023/QĐ-UBND ngày 29/11/2024	2.241,0	2.241,0	2.241,0	2.259,0	18,0		2.241,0	UBND xã Xuân Chinh	
73	Nhà Văn hóa và công trình phụ trợ thôn Chinh, xã Xuân Chinh	3008/QĐ-UBND ngày 29/11/2024	2.219,3	2.219,0	2.219,0	2.259,0	40,0		2.219,0	UBND xã Xuân Chinh	
74	Đường trần Hán Ba thôn Tú Ấc, xã Xuân Chinh	3017/QĐ-UBND ngày 29/11/2024	1.446,9	1.446,0	1.446,0	1.457,0	11,0		1.446,0	UBND xã Xuân Chinh	
75	Nhà văn hóa và công trình phụ trợ thôn Chẽ Dài, xã Xuân Lẹ	3021/QĐ-UBND ngày 29/11/2024	2.005,7	2.005,0	2.005,0	2.042,0	37,0		2.005,0	UBND xã Xuân Chinh	
76	Đường giao thông thôn Bàn Tạn, xã Xuân Lẹ (từ nhà ông Lương Văn Sinh đi đầu tràn Bàn Tạn)	3015/QĐ-UBND ngày 29/11/2024	746,4	746,0	746,0	800,0	54,0		746,0	UBND xã Xuân Chinh	
77	Đường giao thông thôn Xuân Sơn, xã Xuân Lẹ (từ nhà ông Lò Văn Tùng đi Nhà văn hóa thôn Xuân Sơn)	3028/QĐ-UBND ngày 29/11/2024	618,0	617,0	617,0	640,0	23,0		617,0	UBND xã Xuân Chinh	
78	Đường giao thông thôn Bàn Tạn, xã Xuân Lẹ (đoạn từ nhà ông Cầm Bá Mạnh đi nhà ông Cầm Bá Tiên)	3022/QĐ-UBND ngày 29/11/2024	2.538,0	2.538,0	2.538,0	2.660,0	122,0		2.538,0	UBND xã Xuân Chinh	
79	Đường giao thông thôn Tiến Sơn 2, thị trấn Thường Xuân (từ tỉnh lộ 519 đi nghĩa địa thôn)	2975/QĐ-UBND ngày 26/11/2024	596,6	596,0	596,0	640,0	44,0		596,0	UBND xã Thường Xuân	
80	Sân thể thao Nhà văn hóa thôn Tiến Sơn 2, thị trấn Thường Xuân	3018/QĐ-UBND ngày 29/11/2024	482,9	482,0	482,0	491,0	9,0		482,0	UBND xã Thường Xuân	
81	Kênh mương thủy lợi thôn Đục, xã Bát Mọt (các tuyến: Na He, Na Ló Tổ, Na Dôn và Na Chảy Tắng)	3014/QĐ-UBND ngày 29/11/2024	1.360,3	1.360,0	1.360,0	1.363,0	3,0		1.360,0	UBND xã Bát Mọt	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư; Quyết định điều chỉnh lần cuối; Quyết định quyết toán			Lũy kế vốn đã bố trí	Kế hoạch vốn NSTW giai đoạn 2021-2025	Điều chỉnh kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025		Kế hoạch vốn NSTW giai đoạn 2021 - 2025 sau điều chỉnh	Chủ đầu tư (hoặc đơn vị đề xuất)	Ghi chú
		Số Quyết định, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư; giá trị quyết toán; dự kiến TMDT				Điều chỉnh giảm (-)	Điều chỉnh tăng (+)			
			Tổng số	Trong đó: Vốn NSTW							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
82	Đường giao thông Ruộng, xã Bát Mọt (từ ngã ba Trạm Biên phòng Bát Mọt đi nhà ông Lương Văn Thuyền)	13/QĐ-UBND ngày 03/01/2025	613,5	613,0	613,0	666,0	53,0		613,0	UBND xã Bát Mọt	
83	Kênh mương thủy lợi thôn Quê, xã Xuân Lộc (từ nhà ông Hà Văn Toán đến nhà ông Lục Văn Ba)	3081/QĐ-UBND ngày 02/12/2024	1.114,8	1.114,0	1.114,0	1.131,0	17,0		1.114,0	UBND xã Thắng Lộc	
84	Kênh mương thủy lợi thôn Vành, xã Xuân Lộc (từ nhà ông Lò Trung Thành đến nhà ông Lò Văn Sự)	3025/QĐ-UBND ngày 29/11/2024	1.121,9	1.121,0	1.121,0	1.131,0	10,0		1.121,0	UBND xã Thắng Lộc	
85	Đường giao thông thôn An Nhân, xã Luận Khê (từ Trường Mầm non thôn An Nhân đi Trường DTBT THCS Luận Khê)	2071/QĐ-UBND ngày 16/6/2025	535,6	535,0	535,0	538,0	3,0		535,0	UBND xã Tân Thành	
86	Đường giao thông từ nhà ông Hà Văn Luyến thôn Xeo đến nhà ông Cẩm Bá Nhật thôn Chinh, xã Xuân Chinh	1939/QĐ-UBND ngày 03/06/2025	1.282,6	1.282,0	1.282,0	1.300,0	18,0		1.282,0	UBND xã Xuân Chinh	
87	Nhà văn hóa Tân Thắng, xã Xuân Thắng	1658/QĐ-UBND ngày 16/5/2025	2.257,2	2.257,0	2.257,0	2.259,0	2,0		2.257,0	UBND xã Thắng Lộc	
88	Sửa chữa chợ Thành Vinh, xã Thành Vinh, huyện Thạch Thành	2657/QĐ-UBND ngày 8/9/2022	758,1	758,0	758,0	763,0	5,0		758,0	UBND xã Thành Vinh	
89	Đường giao thông từ thôn Đồng Thành, xã Thành Yên - thôn Đồng Luật, xã Thành Mỹ, huyện Thạch Thành	2655/QĐ-UBND ngày 8/9/2022	3.991,1	3.991,0	3.991,0	4.000,0	9,0		3.991,0	UBND xã Thành Vinh	
90	Đường giao thông thôn Lê Cẩm 2, xã Thành Mỹ (đoạn 1: từ hộ ông Đình Văn Túc đi nhà ông Trương Văn Ty; đoạn 2: từ nhà ông Trương Văn Lực đi nhà ông Bùi Văn Bê; đoạn 3: từ nhà ông Trương Văn Chữ đi nhà ông Trương Văn Độ)	47/QĐ-UBND ngày 23/7/2023	1.107,2	1.107,0	1.107,0	1.129,7	22,7		1.107,0	UBND xã Thành Vinh	
91	Xây dựng Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Tượng Liên 1, xã Thạch Tượng	121/QĐ-UBND ngày 23/11/2023	985,0	985,0	985,0	1.129,9	144,9		985,0	UBND xã Thạch Quảng	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư; Quyết định điều chỉnh lần cuối; Quyết định quyết toán			Lũy kế vốn đã bố trí	Kế hoạch vốn NSTW giai đoạn 2021-2025	Điều chỉnh kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025		Kế hoạch vốn NSTW giai đoạn 2021 - 2025 sau điều chỉnh	Chủ đầu tư (hoặc đơn vị đề xuất)	Ghi chú
		Số Quyết định, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư; giá trị quyết toán; dự kiến TMDT				Điều chỉnh giảm (-)	Điều chỉnh tăng (+)			
			Tổng số	Trong đó: Vốn NSTW							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
92	Đường giao thông thôn Thành Tân, xã Thành Yên (đoạn 1: từ cây Thị đi nhà bà Bùi Thị Dương; đoạn 2: từ Ngã ba Đồn Rồng đi nhà ông Đình Văn Hường; đoạn 2: từ nhà ông Đình Văn Hải đi nhà ông Đình Văn Tú)	47/QĐ-UBND ngày 20/7/2023	1.130,6	1.130,6	1.017,0	1.131,4	114,4		1.017,0	UBND xã Thành Vinh	
93	Sửa chữa Trạm y tế xã Thạch Lâm, huyện Thạch Thành	344/QĐ-UBND ngày 30/01/2024	758,8	759,0	758,0	763,0	5,0		758,0	UBND xã Thạch Quảng	
94	Kênh mương nội đồng thôn Nghen, xã Thành Minh (từ Bai nước đi Đuôi Đồng)	360/QĐ-UBND ngày 31/01/2024	580,0	575,9	547,1	575,9	28,8		547,1	UBND xã Thành Vinh	
95	Kênh mương nội đồng thôn Mặc Hèo, xã Thành Minh (tuyến 1: từ nhà ông Quách Văn Thiết đến mương Cây Khang; tuyến 2: từ nhà ông Quách Văn Đường đi mương Cây Khang; tuyến 3: Từ nhà ông Bùi Công Văn đến mương Cây Khang)	361/QĐ-UBND ngày 31/01/2024	580,0	575,9	547,0	575,9	28,9		547,0	UBND xã Thành Vinh	
96	Đường giao thông thôn 2, xã Thọ Bình (đoạn 1: từ nhà ông Ngân Văn Quân đi nhà ông Lương Công Hoàn; đoạn 2: từ nhà bà Lê Thị Đông đi nhà ông Nguyễn Anh Quân; đoạn 3: từ nhà ông Ngân Văn Nhượng đi nhà ông Hoàng Hoa Lập)	175/QĐ-UBND ngày 13/7/2023	1.140,0	1.130,0	1.103,0	1.130,0	27,0		1.103,0	UBND xã Thọ Bình	
97	Đường giao thông thôn 5, xã Thọ Bình (đoạn 1: từ nhà ông Hà Văn Giáp đi nhà ông Hà Văn Bang; đoạn 2: từ nhà bà Ngân Thị Hữu đi nhà ông Lương Văn Thắng; đoạn 3: từ nhà ông Lương Văn Khẩn đi nhà ông Ngân Văn Sơn)	178/QĐ-UBND ngày 17/7/2023	1.131,9	1.130,0	1.125,0	1.130,0	5,0		1.125,0	UBND xã Thọ Bình	
98	Đường giao thông thôn 6, xã Thọ Bình (đoạn 1: từ nhà ông Quách Văn Thuận đi nhà ông Vi Văn Năm; đoạn 2: từ ngã ba Eo Lái đi nhà bà Lê Thị Toàn)	174/QĐ-UBND ngày 13/7/2023	727,9	718,0	705,0	718,0	13,0		705,0	UBND xã Thọ Bình	
99	Đường giao thông thôn 14, xã Thọ Bình (đoạn 1: từ nhà ông Phạm Văn Chính đi nhà bà Trần Thị Tình thôn 8; đoạn 2: từ nhà ông Trịnh Đình Đại đi nhà ông Ngân Văn Hạnh)	179/QĐ-UBND ngày 17/7/2023	737,7	717,0	715,0	717,0	2,0		715,0	UBND xã Thọ Bình	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư; Quyết định điều chỉnh lần cuối; Quyết định quyết toán			Lũy kế vốn đã bố trí	Kế hoạch vốn NSTW giai đoạn 2021-2025	Điều chỉnh kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025		Kế hoạch vốn NSTW giai đoạn 2021 - 2025 sau điều chỉnh	Chủ đầu tư (hoặc đơn vị đề xuất)	Ghi chú
		Số Quyết định, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư; giá trị quyết toán; dự kiến TMDT				Điều chỉnh giảm (-)	Điều chỉnh tăng (+)			
			Tổng số	Trong đó: Vốn NSTW							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
100	Tuyển mường tưới đồng ngoài thôn Đồng Lách, xã Tân Trường, thị xã nghi Sơn (từ cổng Cây dừa giáp nhà văn hóa đi nhà ông Nguyễn Xuân Quang)	5298/QĐ-UBND ngày 17/8/2023	583,4	583,0	554,0	650,0	96,0		554,0	UBND xã Trường Lâm	
III	Tiểu dự án 1 - Dự án 5: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú		57.281,8	57.280,0	56.719,0	57.747,0	1.028,0		56.719,0		
1	Trường THPT DTNT tỉnh Thanh Hoá, hạng mục: Xây mới nhà ở học sinh, phòng quản lý học sinh và các công trình phụ trợ	874/QĐ-UBND ngày 17/3/2023	16.103,2	16.103,0	16.103,0	16.106,0	3,0		16.103,0	BQLDA ĐTXD các công trình dân dụng và công nghiệp	
2	Trường THPT DTNT tỉnh Thanh Hóa, hạng mục: Xây mới nhà bộ môn; sửa chữa hệ thống cấp nước sạch và các công trình phụ trợ	817/QĐ-UBND ngày 27/02/2024	9.054,0	9.054,0	8.882,0	9.058,0	176,0		8.882,0	BQLDA ĐTXD các công trình dân dụng và công nghiệp	
3	Trường THPT DTNT tỉnh Thanh Hoá, hạng mục: Xây mới nhà hiệu bộ	2343/QĐ-UBND ngày 10/6/2024	7.058,9	7.058,0	6.705,0	7.059,0	354,0		6.705,0	BQLDA ĐTXD các công trình dân dụng và công nghiệp	
4	Trường THCS DTBT Luận Khê, huyện Thường Xuân	812/QĐ-UBND ngày 10/03/2025	5.631,1	5.631,0	5.631,0	5.777,0	146,0		5.631,0	UBND xã Tân Thành	
5	Trường THCS DTBT Xuân Chinh, huyện Thường Xuân	813/QĐ-UBND ngày 10/03/2025	6.528,1	6.528,0	6.528,0	6.689,0	161,0		6.528,0	UBND xã Xuân Chinh	
6	Trường THCS DTBT Bát Mọt, huyện Thường Xuân	2314/QĐ-UBND ngày 27/6/2025	4.727,8	4.727,0	4.727,0	4.854,0	127,0		4.727,0	UBND xã Bát Mọt	
7	Trường THCS DTNT huyện Thạch Thành	2656/QĐ-UBND ngày 8/9/2022	8.178,7	8.179,0	8.143,0	8.204,0	61,0		8.143,0	UBND xã Kim Tân	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư; Quyết định điều chỉnh lần cuối; Quyết định quyết toán			Lũy kế vốn đã bố trí	Kế hoạch vốn NSTW giai đoạn 2021-2025	Điều chỉnh kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025		Kế hoạch vốn NSTW giai đoạn 2021 - 2025 sau điều chỉnh	Chủ đầu tư (hoặc đơn vị đề xuất)	Ghi chú
		Số Quyết định, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư; giá trị quyết toán; dự kiến TMDT				Điều chỉnh giảm (-)	Điều chỉnh tăng (+)			
			Tổng số	Trong đó: Vốn NSTW							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
IV	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch.		6.201,5	6.201,0		6.276,0	75,0		6.201,0		
1	Hỗ trợ đầu tư bảo tồn làng văn hóa truyền thống; thôn Yên Vĩnh, xã Xuân Thái, huyện Như Thanh	202/QĐ-UBND ngày 18/9/2025	6.201,5	6.201,0		6.276,0	75,0		6.201,0	UBND xã Xuân Thái	
V	Dự án 7: Nội dung đầu tư, nâng cấp, cải tạo trung tâm y tế huyện		5.405,0	5.405,0	5.405,0	5.500,0	95,0		5.405,0		
1	Trung tâm y tế huyện Bá Thước	1259/QĐ-UBND ngày 27/3/2025	5.405,0	5.405,0	5.405,0	5.500,0	95,0		5.405,0	UBND xã Điền Lư	
B	DỰ ÁN BỔ SUNG VÀO DANH MỤC ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025		8.136,0	8.056,0				8.056,0	8.056,0		
I	Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí ổn định dân cư ở những nơi cần thiết		4.000,0	4.000,0				4.000,0	4.000,0		
1	Xử lý khẩn cấp sạt lở, san lấp mặt bằng đồi đất để ổn định dân cư tại thôn Lùm Nưa, xã Vạn Xuân	251/QĐ-UBND ngày 03/10/2025	4.000,0	4.000,0				4.000,0	4.000,0	UBND xã Vạn Xuân	
II	Tiểu dự án 1 - Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi		4.136,0	4.056,0				4.056,0	4.056,0		
1	Cải tạo, sửa chữa nhà ở cho học sinh bán trú và các hạng mục phụ trợ trường Trung học cơ sở Thanh Hòa, xã Thanh Phong, tỉnh Thanh Hóa	380/QĐ-UBND ngày 22/9/2025	2.136,0	2.056,0				2.056,0	2.056,0	UBND xã Thanh Phong	
2	Cải tạo, sửa chữa Trạm y tế Thanh Hòa, xã Thanh Phong, tỉnh Thanh Hóa	381/QĐ-UBND ngày 22/9/2025	2.000,0	2.000,0				2.000,0	2.000,0	UBND xã Thanh Phong	

Phụ lục II
TỔNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2025 (ĐỢT 4)
CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ
VÀ MIỀN NÚI TỈNH THANH HÓA GIAI ĐOẠN 2021-2030, GIAI ĐOẠN I: TỪ NĂM 2021 ĐẾN NĂM 2025

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Tên Dự án/Tiểu dự án/Nội dung	Kế hoạch đầu tư vốn NSTW năm 2025 bổ sung (Quyết định số 1148/QĐ-TTg ngày 13/6/2025)	Kế hoạch vốn NSTW năm 2025 đã phân bổ chi tiết	Kế hoạch vốn NSTW năm 2025 phân bổ đợt này (đợt 4)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
	TỔNG SỐ	58.204,0	43.611,0	14.593,0	
1	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt.		5.695,0		
-	Nội dung: Hỗ trợ nhà ở		4.680,0		
-	Nội dung: Hỗ trợ nước sinh hoạt tập trung		1.015,0		
2	Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí ổn định dân cư ở những nơi cần thiết			4.000,0	Chi tiết tại Phụ biểu II.1
3	Tiểu dự án 1 - Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi		22.748,0	4.157,0	Chi tiết tại Phụ biểu II.2
4	Tiểu dự án 1 - Dự án 5: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú		4.911,0		
5	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch.		7.567,0	6.436,0	Chi tiết tại Phụ biểu II.3
6	Dự án 7: Nội dung đầu tư, nâng cấp, cải tạo trung tâm y tế huyện		190,0		
7	Tiểu dự án 2 - Dự án 10: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi		2.500,0		

Phụ biểu II.1
GIAO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2025 (ĐỢT 4)
THỰC HIỆN DỰ ÁN 2: QUY HOẠCH, SẮP XẾP, BỐ TRÍ ỔN ĐỊNH DÂN CƯ Ở NỮNG NƠI CẦN THIẾT

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư; Quyết định điều chỉnh lần cuối; Quyết định quyết toán			Lũy kế vốn đã phân bổ		Số vốn còn lại chưa phân bổ		Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025 được HĐND tỉnh phê duyệt	Kế hoạch vốn ngân sách Trung ương năm 2025 (đợt 4)	Chủ đầu tư	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư (Giá trị quyết toán)		Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách Trung ương	Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách Trung ương				
			Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách Trung ương								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	TỔNG CỘNG		4.000	4.000					4.000	4.000		
I	Dự án khởi công mới năm 2025		4.000	4.000					4.000	4.000		
1	Xử lý khẩn cấp sạt lở, san lấp mặt bằng đồi đất để ổn định dân cư tại thôn Lùm Nưa, xã Vạn Xuân	251/QĐ-UBND ngày 03/10/2025	4.000	4.000					4.000	4.000	UBND xã Vạn Xuân	

Phụ biểu II.2

GIAO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2025 (ĐỢT 4) THỰC HIỆN TIÊU DỰ ÁN 1 - DỰ ÁN 4
ĐẦU TƯ CƠ SỞ HẠ TẦNG THIẾT YẾU PHỤC VỤ SẢN XUẤT, ĐỜI SỐNG TRONG VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư; Quyết định điều chỉnh lần cuối; Quyết định quyết toán			Lũy kế vốn đã phân bổ		Số vốn còn lại chưa phân bổ		Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025 được HĐND tỉnh phê duyệt	Kế hoạch vốn ngân sách Trung ương năm 2025 (đợt 4)	Chủ đầu tư	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư (Giá trị quyết toán)		Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách Trung ương	Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách Trung ương				
			Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách Trung ương								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	TỔNG CỘNG		6.227,4	6.085,0	1.928,0	1.928,0	4.299,4	4.157,0	6.085,0	4.157,0		
I	Dự án đã hoàn thành chưa có quyết toán được duyệt		2.091,4	2.029,0	1.928,0	1.928,0	163,4	101,0	2.029,0	101,0		
1	Công trình phụ trợ Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Tượng Sơn, xã Thạch Tượng	444/QĐ-UBND ngày 30/01/2024	569,0	563,0	535,0	535,0	34,0	28,0	563,0	28,0	UBND xã Thạch Quảng	
2	Công trình phụ trợ Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Tượng Liên, xã Thạch Tượng	445/QĐ-UBND ngày 30/01/2024	570,0	563,0	535,0	535,0	35,0	28,0	563,0	28,0	UBND xã Thạch Quảng	
3	Đường giao thông thôn Biện, xã Thạch Lâm (Tuyệt 1: Từ đầu tuyến đường bê tông đến giáp nhà ông Bùi Văn Thắng; Tuyến 2: từ đầu tuyến đường bê tông đến giáp nhà ông Bùi Văn Thành; tuyến 3: từ đầu tuyến đường bê tông đến giáp nhà ông Bùi Văn Lương)	2612/QĐ-UBND ngày 30/7/2024	353,7	340,0	323,0	323,0	30,7	17,0	340,0	17,0	UBND xã Thạch Quảng	
4	Công trình phụ trợ Nhà văn hóa thôn Đồi, xã Thạch Lâm	2607/QĐ-UBND ngày 29/7/2024	598,7	563,0	535,0	535,0	63,7	28,0	563,0	28,0	UBND xã Thạch Quảng	
II	Dự án khởi công mới năm 2025		4.136,0	4.056,0			4.136,0	4.056,0	4.056,0	4.056,0		

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư; Quyết định điều chỉnh lần cuối; Quyết định quyết toán			Lũy kế vốn đã phân bổ		Số vốn còn lại chưa phân bổ		Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025 được HĐND tỉnh phê duyệt	Kế hoạch vốn ngân sách Trung ương năm 2025 (đợt 4)	Chủ đầu tư	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư (Giá trị quyết toán)		Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách Trung ương	Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách Trung ương				
			Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách Trung ương								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	Cải tạo, sửa chữa nhà ở cho học sinh bán trú và các hạng mục phụ trợ trường Trung học cơ sở Thanh Hòa, xã Thanh Phong, tỉnh Thanh Hóa	380/QĐ-UBND ngày 22/9/2025	2.136,0	2.056,0			2.136,0	2.056,0	2.056,0	2.056,0	UBND xã Thanh Phong	
2	Cải tạo, sửa chữa Trạm y tế Thanh Hòa, xã Thanh Phong, tỉnh Thanh Hóa	381/QĐ-UBND ngày 22/9/2025	2.000,0	2.000,0			2.000,0	2.000,0	2.000,0	2.000,0	UBND xã Thanh Phong	

Phụ biểu II.3

**GIAO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2025 (ĐỢT 4) THỰC HIỆN DỰ ÁN 6: BẢO TỒN
PHÁT HUY GIÁ TRỊ VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG TỐT ĐẸP CỦA CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ GẮN VỚI PHÁT TRIỂN DU LỊCH**

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư; Quyết định điều chỉnh lần cuối; Quyết định quyết toán			Lũy kế vốn đã phân bổ		Số vốn còn lại chưa phân bổ		Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025 đã được HĐND tỉnh phê duyệt	Kế hoạch vốn ngân sách trung ương năm 2025 (đợt 4)	Chủ đầu tư	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư (Giá trị quyết toán)		Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách trung ương	Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách trung ương				
			Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách trung ương								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	TỔNG CỘNG		36.651,5	10.907,0	10.000,0	4.471,0	26.651,5	6.436,0	10.907,0	6.436,0		
I	Dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành sau năm 2025		30.450,0	4.706,0	10.000,0	4.471,0	20.450,0	235,0	4.706,0	235,0		
1	Dự án hỗ trợ tu bổ, tôn tạo, chống xuống cấp di tích quốc Lò Cao kháng chiến, huyện Như Thanh	4907/QĐ-UBND ngày 22/12/2023	30.450,0	4.706,0	10.000,0	4.471,0	20.450,0	235,0	4.706,0	235,0	Ban QLDA ĐTXD khu vực Như Thanh	
II	Dự án khởi công mới năm 2025		6.201,5	6.201,0			6.201,5	6.201,0	6.201,0	6.201,0		
1	Hỗ trợ đầu tư bảo tồn làng văn hóa truyền thống: thôn Yên Vĩnh, xã Xuân Thái, huyện Như Thanh	202/QĐ-UBND ngày 18/9/2025	6.201,5	6.201,0			6.201,5	6.201,0	6.201,0	6.201,0	UBND xã Xuân Thái	